

NỘI DUNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ 2 – LỚP 12

I. PHẠM VI KIẾN THỨC CẦN KIỂM TRA

Kiểm tra các đơn vị kiến thức đã học trong nửa đầu học kỳ 2 gồm các bài và chủ đề sau:

Bài 8: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong kinh doanh và nộp thuế

Bài 9: quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác.

Bài 10: Quyền bình của công dân tron hôn nhâ và gia đình.

Bài 11: Quyền và và nghĩa vụ của công dân trọng học tập.

Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong chăm sóc sức khỏe và an sinh xã hội

II. NỘI DUNG ÔN TẬP

BÀI 8: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ KINH DOANH VÀ NỘP THUẾ

1. Quyền và nghĩa vụ kinh doanh của công dân

- **Quyền kinh doanh** là quyền của công dân được tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm. Công dân có quyền chủ động lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh, có quyền lựa chọn quy mô kinh doanh phù hợp với điều kiện và khả năng của mình. Công dân có quyền chủ động lựa chọn ngành, nghề và địa bàn kinh doanh, có quyền tự chủ kinh doanh, được tự mình lựa chọn và quyết định hình thức góp vốn, cách thức huy động vốn, tìm kiếm thị trường, khách hàng và kí kết hợp đồng, tự mình quyết định việc tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.
- Cùng với quyền kinh doanh là **nghĩa vụ** của công dân về kinh doanh. Công dân phải tuân thủ quy định của pháp luật về kinh doanh, phải kinh doanh đúng ngành, nghề ghi trong giấy chứng nhận đăng kí kinh doanh và chỉ được kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động và người tiêu dùng, kê khai đúng và nộp thuế đầy đủ, đúng hạn, thực hiện pháp luật về bảo vệ tài nguyên môi trường, tuân thủ đầy đủ các quy định về quốc phòng, an ninh và trật tự, an toàn xã hội.
- Tại điều 6 luật đầu tư năm 2 0 20 (sửa đổi bổ sung năm 2 0 2 2) , **có 8 nhóm ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh**: kinh doanh các chất ma túy, kinh doanh mẫu vật các loài thực vật, động vật hoang dã có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên, kinh doanh mại dâm, kinh doanh pháo nổ, mua bán kinh doanh dịch vụ đòi nợ... đây là những ngành nghề có tác động xấu, ảnh hưởng đến an ninh quốc phòng trật tự an toàn xã hội, thuần phong mỹ tục của dân tộc. - Các tiêu chí để xác định **các ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng)**. Điều kiện đầu tư kinh doanh đối với ngành nghề quy định: kinh doanh rượu, thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của bộ công thương, dịch vụ in, - in bao bì, thức ăn thủy sản, thức ăn chăn nuôi, dịch vụ kỹ thuật về thú y.
- Tại Điều 16 [Luật doanh nghiệp](#) năm 2020 quy định về các **hành vi cấm trong doanh nghiệp** như sau: Hoạt động kinh doanh dưới hình thức doanh nghiệp mà không đăng ký hoặc tiếp tục kinh doanh khi đã bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc doanh nghiệp đang bị tạm dừng hoạt động kinh doanh; kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp; kinh doanh các ngành nghề cấm đầu tư kinh doanh, ...

- **Công dân có quyền** thành lập doanh nghiệp tư nhân, tham gia thành lập công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, hộ kinh doanh hay tham gia hợp tác xã để sản xuất kinh doanh hàng tiêu dùng, hàng công nghiệp, hàng nông sản, hàng thủ công...
- Khi quyết định lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh, công dân cần làm hồ sơ đăng ký thành lập doanh nghiệp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- **Các trường hợp không được thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam:**
 - + Các cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân.
 - + Cán bộ công chức viên chức, người chưa thành niên, người bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, người khó khăn về nhận thức, tổ chức không có 4 cách pháp nhân.
 - + Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc...
 - + Tổ chức là pháp nhân thương mại bị cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định theo quy định của bộ luật hình sự.

2. Quyền và nghĩa vụ nộp thuế của công dân.

- **Thuế** là một khoản ngân sách nhà nước bắt buộc của tổ chức, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân theo quy định của pháp luật thuế. Thuế là nguồn thu chủ yếu của nhà nước để chăm lo các công việc chung của đất nước như bảo vệ tổ quốc, giữ gìn an ninh trật tự xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng (cầu, đường sá, sân bay, bến cảng, công trình công cộng), chi trả lương cho cán bộ, công chức nhà nước, xây dựng trường học...
- Công dân có nghĩa vụ nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước theo thông tin đã kê khai thuế. - **Các hành vi bị nghiêm cấm trong quản lý thuế:** Cố tình không kê khai hoặc kê khai thuế không đầy đủ, kịp thời, chính xác về số tiền thuế phải nộp. Bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ không xuất hóa đơn theo quy định của pháp luật, sử dụng hóa đơn không hợp pháp. - Nộp thuế là quyền và nghĩa vụ của mọi công dân.

Người nộp thuế có quyền:

Được cung cấp thông tin, tài liệu để thực hiện quyền lợi, nghĩa vụ về thuế.

Được giữ bí mật về thuế, trừ những thông tin phải cung cấp cho cơ quan thuế.

Được hưởng ưu đãi về thuế, hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Người nộp thuế có nghĩa vụ:

Kê khai thuế chính xác, trung thực, đầy đủ và nộp hồ sơ thuế, tiền thuế đầy đủ, đúng hạn. Chấp hành các quyết định của cơ quan quản lý nhà nước về kiểm tra, thanh tra thuế.

Thực hiện đầy đủ các quy định khác của pháp luật về thuế.

3. Thực hiện pháp luật về kinh doanh và nộp thuế

- Công dân có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ trong kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế bằng những hành vi cụ thể, phù hợp.
- Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong kinh doanh là hành vi trái pháp luật, gây thiệt hại về vật chất, tinh thần và sức khỏe của người tiêu dùng, làm ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội, gây khó khăn cho hoạt động quản lý kinh tế - xã hội của Nhà nước, làm thiệt hại kinh tế của đất nước.
- Người có hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong kinh doanh, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm có thể bị xử lý vi phạm hành chính, truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

BÀI 9: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN VỀ SỞ HỮU TÀI SẢN, TÔN TRỌNG TÀI SẢN CỦA NGƯỜI KHÁC

1. Quyền và nghĩa vụ của công dân về sở hữu tài sản

- **Quyền sở hữu tài sản** là quyền của công dân đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của mình.

- Tài sản thuộc quyền sở hữu của công dân bao gồm: vật, tiền, giấy tờ có giá, nhà ở, phương tiện đi lại, tư liệu sinh hoạt hàng ngày, tư liệu sản xuất, phần vốn góp vào sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp, vốn góp kinh doanh với người khác.

- **Quyền sở hữu tài sản bao gồm** quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt tài sản của chủ sở hữu theo quy định của pháp luật.

a. **Quyền chiếm hữu** là quyền của chủ thể tự mình nắm giữ, quản lý, chi phối trực tiếp tài sản. Có **hai hình thức chiếm hữu** là: chiếm hữu có căn cứ pháp luật và chiếm hữu không có căn cứ pháp luật.

+ **Chiếm hữu có căn cứ pháp luật:** chủ sở hữu có quyền chiếm hữu tài sản của mình; người không phải chủ sở hữu cũng như có quyền chiếm hữu (khi được người chủ sở hữu ủy quyền quản lý tài sản, khi người phát hiện và giữ tài sản vô chủ, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, bị chôn, giấu, bị vùi lấp, người được giao quyền chiếm hữu thông qua giao dịch dân sự).

+ **Chiếm hữu không có căn cứ pháp luật:** chiếm hữu không dựa trên cơ sở pháp luật, không được pháp luật cho phép, thừa nhận. Khi người chiếm hữu không phải là chủ sở hữu tài sản nhưng có được tài sản không dựa trên cơ sở pháp luật.

b. **Quyền sử dụng** là quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản. Quyền sử dụng bao gồm quyền sử dụng của chủ sở hữu và quyền sử dụng của người không phải chủ sở hữu (được sử dụng tài sản theo thỏa thuận với chủ sở hữu theo quy định của pháp luật).

c. **Quyền định đoạt** là quyền chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho người khác, từ bỏ quyền sở hữu, tiêu dùng hoặc tiêu hủy tài sản. Người không phải là chủ sở hữu tài sản chỉ có quyền định đoạt tài sản theo ủy quyền của chủ sở hữu hoặc theo quy định của pháp luật.

- Khi thực hiện quyền sở hữu tài sản, công dân có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật về sở hữu tài sản; không được thực hiện hành vi trái pháp luật, gây thiệt hại hoặc làm ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

- Đồng thời với việc tuân thủ pháp luật về sở hữu tài sản, công dân có nghĩa vụ tôn trọng, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội; tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, nếu làm ô nhiễm môi trường thì phải bồi thường thiệt hại.

2. Nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác

- **Công dân có nghĩa vụ tôn trọng quyền sở hữu tài sản của người khác**, không được xâm phạm tài sản của cá nhân, tổ chức, tập thể và Nhà nước. Nếu nhặt được của rơi phải trả lại cho người mất hoặc thông báo cho cơ quan có trách nhiệm để xử lý. Khi vay, nợ phải trả đầy đủ, đúng hạn.

- **Nếu mượn hoặc thuê tài sản của người khác** thì phải giữ gìn cẩn thận, trả lại cho chủ sở hữu đúng hạn, nếu hỏng thì phải sửa chữa, bồi thường. Trường hợp bên thuê sử dụng tài sản không đúng mục đích, thì bên cho thuê có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại. Trường hợp bên mượn tài sản không được tự ý thay đổi tình trạng của tài sản, không được cho người khác mượn lại...

- **Công dân có nghĩa vụ tôn trọng và bảo vệ tài sản của nhà nước và lợi ích công cộng.** Không được xâm phạm tài sản của nhà nước. Khi được nhà nước giao quản lý, sử dụng tài sản nhà nước phải bảo quản, giữ gìn, sử dụng tiết kiệm có hiệu

quả, không tham ô lãng phí. Tài sản của nhà nước gom đất đai rừng núi, sông hồ, tài nguyên trong lòng đất, thềm lục địa, vùng trời...

- Người nào xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản và nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc xử lý hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường.

BÀI 10: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH

1. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân

- Công dân có quyền tự do kết hôn khi có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật; có quyền ly hôn khi mục đích của hôn nhân không đạt được, việc duy trì hôn nhân không có lợi cho gia đình.
 - Công dân có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn và nguyên tắc của chế độ hôn nhân một vợ, một chồng; có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn.
 - **Về điều kiện kết hôn**, nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên, việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định, không bị mất năng lực hành vi dân sự, việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp **cấm kết hôn** theo quy định: kết hôn giả tạo, ly hôn giả tạo, tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, lừa dối kết hôn, cản trở kết hôn, người đang có vợ, có chồng mà kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng với người khác (bị phạt cảnh cáo, phạt cải tạo không giam giữ đến 1 năm hoặc phạt tù từ 3 tháng đến 1 năm), kết hôn hoặc chung sống như vợ chồng giữa những người cùng dòng máu về trực hệ, giữa những người có họ trong phạm vi 3 đời, giữa cha mẹ nuôi với con nuôi, cha chồng với con dâu, mẹ vợ với con rể, cha dượng với con riêng của vợ, mẹ kế với con riêng của chồng.
 - Nhà nước nghiêm cấm các hành vi cưỡng ép kết hôn, cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ và hành vi vi phạm chế độ một vợ một chồng.
 - **Về quyền ly hôn**: vợ, chồng hoặc cả 2 người có quyền yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn, cha mẹ, người thân có quyền yêu cầu tòa án giải quyết ly hôn khi một bên vợ, chồng do bị bệnh tâm thần hoặc mắc bệnh khác mà không thể nhận thức, làm chủ được hành vi của mình, đồng thời là nạn nhân của hành vi bạo lực gia đình.
 - Chồng không có quyền yêu cầu ly hôn trong trường hợp vợ đang có thai, sinh con hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi.
 - **Có 2 trường hợp ly hôn**:
 - + **Thuận tình ly hôn**: Trong trường hợp vợ chồng cùng yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy 2 bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về việc chia tài sản và trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của vợ và con thì tòa án công nhận thuận tình ly hôn.
 - + **Ly hôn theo yêu cầu của một bên**: Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại tòa án không thành, thì tòa giải quyết ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm quyền nghĩa vụ của vợ chồng.
- Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân có thể dẫn đến việc hôn nhân tự nguyện không thực hiện được. Quan hệ hôn nhân tiến bộ không được duy trì, bị tan vỡ, gây dư luận xấu trong xã hội, ảnh hưởng không tốt đến chính sách của Đảng và Nhà nước về các quyền của công dân.

2. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình

a. Quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng

- **Vợ chồng bình đẳng với nhau về quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản**:
 - + **Về quan hệ nhân thân**: Vợ chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt

trong gia đình, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau, quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ công việc trong gia đình, lựa chọn nơi cư trú, tôn trọng tín ngưỡng tôn giáo của nhau, tạo điều kiện giúp đỡ nhau chọn nghề nghiệp, nâng cao trình độ văn hóa, tham gia hoạt động chính trị kinh tế văn hóa xã hội.

+ **Về quan hệ tài sản:** Vợ chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung, không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập. Vợ chồng có quyền có tài sản riêng và có quyền thừa kế di sản của nhau. Hành vi vi phạm về quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng có thể khiến quan hệ hôn nhân rạn nứt thậm chí bị phá vỡ, gây thiệt hại về tài sản, tài chính cho gia đình và xã hội do các tranh chấp hôn nhân. Nếu những hành vi vi phạm trở nên phổ biến có thể dẫn đến môi trường xã hội không an toàn.

b. Quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con, giữa các thành viên trong gia đình

- **Cha mẹ có quyền và nghĩa vụ** thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức; trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, cha mẹ làm gương cho con về mọi mặt, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì có quyền sống chung với cha mẹ.

- **Con có quyền** được cha mẹ thương yêu, tôn trọng; **có bổn phận** yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, con có nghĩa vụ tham gia công việc gia đình, lao động sản xuất, đóng góp thu nhập cho gia đình phù hợp với khả năng của mình.

- **Ông bà có quyền, nghĩa vụ** trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu mực và nêu gương cho cháu, trường hợp cháu chưa thành niên, cháu mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình, mà không có người nuôi dưỡng thì ông bà có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu.

- **Cháu có nghĩa vụ** kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà, trường hợp ông bà không có con để nuôi dưỡng mình thì cháu đã thành niên có nghĩa vụ nuôi dưỡng.

- **Anh chị em có quyền, nghĩa vụ** thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, có quyền nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

Hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ giữa cha mẹ và con có thể khiến con không được chăm sóc, nuôi dưỡng đúng cách, ảnh hưởng đến sức khỏe về thể chất, tinh thần và sự phát triển của con.

BÀI 11: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG HỌC TẬP

1. **Quyền học tập của công dân.** Pháp luật nước ta quy định, trong học tập công dân có các quyền cơ bản sau:

- Mọi công dân không phân biệt dân tộc, tôn giáo, tín ngưỡng, giới tính, đặc điểm cá nhân, nguồn gốc gia đình, địa vị xã hội, hoàn cảnh kinh tế đều bình đẳng về cơ hội học tập. - Mọi công dân có thể học bất cứ ngành nghề nào phù hợp với khả năng, năng khiếu, sở thích và điều kiện của bản thân.

- **Quyền học không hạn chế:** Mọi công dân được học từ thấp đến cao, từ mầm non đến tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, sơ cấp, trung cấp, cao đẳng, đại học và sau đại học theo quy định của pháp luật.

- **Quyền học thường xuyên, suốt đời:** Mọi công dân có quyền học thường xuyên, học suốt đời, học bằng nhiều hình thức khác nhau và các loại hình trường lớp khác nhau.

2. Nghĩa vụ của công dân trong học tập.

Trong học tập công dân có nghĩa vụ: tuân thủ các quy định của pháp luật về quyền học tập, về độ tuổi tham gia học tập (trừ trường hợp pháp luật có quy định riêng); hoàn thành các chương trình giáo dục; tham gia các hoạt. động giáo dục, đào tạo; thực hiện đúng nội quy của các cơ sở giáo dục; tôn trọng quyền học tập của người khác và đấu tranh với các hành vi vi phạm quyền học tập của công dân.

BÀI 12: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG DÂN TRONG BẢO VỆ, CHĂM SÓC SỨC KHỎE VÀ ĐẢM BẢO AN SINH XÃ HỘI

1. Quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an sinh xã hội

a. Quyền được bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.

- Pháp luật nước ta quy định, trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe công dân có một số quyền cơ bản sau: Bình đẳng trong khám bệnh, được chữa bệnh khi ốm đau và cấp cứu; tôn trọng về tính mạng và nhân phẩm; tiếp cận với thông tin y tế về chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, giữ bí mật thông tin trong khám, chữa bệnh; quyết định các vấn đề về khám, chữa bệnh của bản thân; Có quyền chấp nhận hoặc từ chối tham gia nghiên cứu sinh học về khám chữa bệnh, quyền tố cáo các hành vi sai phạm trong khám, chữa bệnh.

- Nhà nước và xã hội đầu tư phát triển sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của nhân dân, thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, có chính sách ưu tiên chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế khó khăn, chăm sóc sức khỏe cho người mẹ, trẻ em, thực hiện kế hoạch hóa gia đình.

- Người sử dụng lao động phải khám sức khỏe **ít nhất một lần** cho người lao động. Đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, người lao động khuyết tật, người lao động chưa thành niên, người lao động cao tuổi được khám sức khỏe **ít nhất 6 tháng một lần**.

b. Quyền của công dân trong đảm bảo an sinh xã hội

Pháp luật nước ta quy định, trong đảm bảo an sinh xã hội, công dân có một số quyền cơ bản sau: Bình đẳng trong đảm bảo an sinh xã hội; được tham gia và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ ưu đãi, trợ cấp xã hội; tiếp cận, tìm hiểu các thông tin và dịch vụ về an sinh xã hội; khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm đến đảm bảo an sinh xã hội.

2. Nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe và đảm bảo an sinh xã hội

a. Nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.

- Công dân có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Hiến pháp và pháp luật về quyền bảo vệ, chăm sóc sức khỏe; tôn trọng quyền bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của mọi người; tham gia thực hiện các quy định trong khám, chữa bệnh và đấu tranh với các hành vi vi phạm quyền bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.

- Công dân có nghĩa vụ tôn trọng người hành nghề, không được đe dọa, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người hành nghề và người khác làm việc tại cơ sở khám chữa bệnh.

b. Nghĩa vụ của công dân trong đảm bảo an sinh xã hội

- Công dân có nghĩa vụ thực hiện các quy định của Hiến pháp và pháp luật về việc làm, thu nhập, giảm nghèo, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp xã hội, tôn trọng quyền đảm bảo an sinh xã hội của mọi người và đấu tranh với các hành vi vi phạm quyền đảm bảo an sinh xã hội.

III. PHẦN CÂU HỎI THAM KHẢO

Câu 1: Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây là nghĩa vụ của công dân trong kinh doanh?

- A. Tuân thủ các quy định của pháp luật về kinh doanh.
- B. Kinh doanh những ngành, nghề mà pháp luật không cấm.
- C. Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng, kí kết hợp đồng.
- D. Sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.

Câu 2: Điều 33 Hiến pháp năm 2013 khẳng định: Mọi người có quyền tự do kinh doanh trong những ngành nghề mà

- A. pháp luật không cấm.
- B. mình thích.
- C. có lợi nhuận.
- D. phù hợp.

Câu 3: Theo quy định của pháp luật, đóng thuế là

- A. nghĩa vụ của công dân.
- B. sự tự nguyện của công dân.
- C. nộp tiền cho Nhà nước.
- D. không bắt buộc đối với công dân.

Câu 4: Theo quy định của pháp luật, khi tiến hành hoạt động kinh doanh, công dân phải thực hiện nghĩa vụ nào dưới đây?

- A. Bảo vệ môi trường và tài nguyên thiên nhiên.
 - B. Khiếu nại các hành vi vi phạm pháp luật về kinh doanh.
 - C. Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng.
 - D. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động.
- Câu 5:** Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, doanh nghiệp có quyền nào dưới đây? A. Tự do kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật không cấm.

- B. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động.
- C. Thực hiện đầy đủ, kịp thời nghĩa vụ về đăng ký kinh doanh.
- D. Không phân biệt đối xử người lao động trong doanh nghiệp.

Câu 6: Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, doanh nghiệp có nghĩa vụ nào dưới đây?

- A. Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động theo quy định của pháp luật.
- B. Tự do kinh doanh ngành, nghề mà pháp luật không cấm khi đủ điều kiện.
- C. Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và kí kết hợp đồng.
- D. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.

Câu 7: Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, hành vi nào dưới đây bị nghiêm cấm?

- A. kê khai không trung thực nội dung hồ sơ đăng ký doanh nghiệp.
- B. Tự chủ kinh doanh và lựa chọn hình thức tổ chức kinh doanh.
- C. Chủ động điều chỉnh quy mô và ngành, nghề kinh doanh.
- D. Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng và kí kết hợp đồng.

Câu 8: Theo quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, nội dung nào dưới đây **không** phải là quyền trong kinh doanh?

- A. Tôn trọng quyền tự do kinh doanh của người khác.
- B. Tự do tìm kiếm thị trường, khách hàng.
- C. Tuyển dụng, thuê và sử dụng lao động.
- D. Kinh doanh những ngành, nghề pháp luật không cấm.

Câu 9: Thuế nộp vào ngân sách nhà nước **không** dùng vào công việc gì?

- A. Chi tiêu cho cá nhân cán bộ.
- B. Làm đường xá, cầu cống.
- C. Xây dựng trường học công.
- D. Chi trả lương cho công chức.

Câu 10: Hành vi nào dưới đây vi phạm quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ nộp thuế?

- A. Buôn bán hàng giả, trốn thuế để tăng lợi nhuận.
- B. Nộp thuế đầy đủ, đúng hạn để yên tâm kinh doanh.

C. Kế khai đúng doanh thu và mặt hàng kinh doanh.

D. Tuyển dụng lao động theo quy định của pháp luật.

Câu 11: Quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi từ tài sản đó là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Quyền sử dụng. B. Quyền quản lý.

C. Quyền quyết định.

D. Quyền làm chủ.

Câu 12: Quyền của chủ thể tự mình nắm giữ, quản lý, chi phối trực tiếp tài sản là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Quyền chiếm hữu.

B. Quyền sử dụng.

C. Quyền định đoạt.

D. Quyền quản lý.

Câu 13: Quyền chuyển giao quyền sở hữu tài sản cho người khác là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Quyền định đoạt.

B. Quyền sử dụng.

C. Quyền chiếm hữu.

D. Quyền quyết định.

Câu 14: Theo quy định của pháp luật, quyền sở hữu tài sản **không** gồm quyền nào dưới đây?

A. Quyền chiếm đoạt.

B. Quyền chiếm hữu.

C. Quyền sử dụng.

D. Quyền định đoạt.

Câu 15: Nội dung nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ công dân về tôn trọng tài sản của người khác?

A. Không xâm phạm tài sản của người khác.

B. Không tôn trọng quyền sở hữu của người khác.

C. Khi vay, nợ không cần trả nợ đầy đủ, đúng hạn.

D. Không cần bồi thường thiệt hại tài sản khi làm hỏng.

Câu 16: Theo quy định của pháp luật, chủ sở hữu tài sản có quyền bán, tặng cho, cho vay... là biểu hiện của quyền nào dưới đây?

A. Quyền định đoạt.

B. Quyền chiếm hữu.

C. Quyền sử dụng.

D. Quyền khai thác.

Câu 17: Theo quy định của pháp luật, nội dung nào dưới đây **không** thể hiện nghĩa vụ công dân về tôn trọng tài sản của người khác?

A. Bên mượn tài sản cho người khác mượn lại không có sự đồng ý của bên cho mượn.

B. Giữ gìn, bảo quản tài sản mượn, trả lại tài sản mượn đúng hạn.

C. Bồi thường thiệt hại nếu làm hư hỏng tài sản của người khác.

D. Bên thuê tài sản phải sử dụng tài sản thuê đúng mục đích đã thỏa thuận.

Câu 18: Theo quy định của pháp luật, bên thuê tài sản **không** có nghĩa vụ nào sau đây?

A. Cho người khác thuê lại.

B. Phải bảo quản tài sản thuê.

C. Nếu làm mất, hư hỏng phải bồi thường.

D. Phải bảo dưỡng và sửa chữa nhỏ.

Câu 19: Theo quy định của pháp luật, quyền sở hữu tài sản gồm quyền nào dưới đây?

A. Quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền định đoạt.

B. Quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền chiếm đoạt.

C. Quyền chiếm hữu, quyền sử dụng, quyền khai thác.

D. Quyền sử dụng, quyền định đoạt, quyền chiếm đoạt.

Câu 20: Người **không** phải là chủ sở hữu được sử dụng tài sản trong trường hợp nào?

A. Theo thỏa thuận với chủ sở hữu. B. Theo đề xuất của người khác.

C. Theo ý muốn của những người liên quan. D. Theo nguyên tắc có đi có lại.

Câu 21: Trường hợp nào sau đây vi phạm quyền sở hữu tài sản của công dân?

- A. Lấn chiếm đất thuộc quyền sử dụng của người khác để xây nhà.
- B. Sử dụng các phần mềm công nghệ thông tin với sự đồng ý của chủ sở hữu.
- C. Phát hiện cổ vật quý hiếm trong vườn nhà, đem nộp cho chính quyền.
- D. Cha mẹ cho con ngôi nhà và chiếc xe máy do mình đứng tên.

Câu 22: Đối với tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác, công dân **không** có nghĩa vụ nào sau đây?

- A. Giành giật, chiếm hữu tài sản của người khác làm của riêng mình.
- B. Nhặt được của rơi phải báo cho cơ quan có trách nhiệm xử lý theo pháp luật.
- C. Trong quá trình mượn, nếu làm hỏng phải sửa chữa hoặc bồi thường theo thỏa thuận.
- D. Tôn trọng quyền sở hữu của tổ chức, của tập thể, của Nhà nước.

Câu 23: Công dân **không** có quyền sở hữu tài sản nào sau đây?

- A. Thửa đất do mình đứng tên.
- B. Xe máy do mình đứng tên đăng kí.
- C. Sổ tiết kiệm do mình đứng tên.
- D. Căn hộ do mình đứng tên.

Câu 24: Theo quy định của pháp luật, khoảng thời gian tồn tại mối quan hệ vợ chồng, tính từ ngày đăng ký kết hôn đến ngày chấm dứt hôn nhân được gọi là thời kỳ

- A. hôn nhân.
- B. hợp tác.
- C. chung sống.
- D. hạnh phúc.

Câu 25: Quyền bình đẳng giữa vợ và chồng được thể hiện trong quan hệ

- A. nhân thân và tài sản.
- B. hôn nhân và huyết thống.
- C. tài chính và sự nghiệp.
- D. gia đình và sự nghiệp.

Câu 26: Pháp luật Hôn nhân và gia đình quy định độ tuổi kết hôn như thế nào?

- A. Nam từ đủ 20 tuổi trở lên; nữ từ đủ 18 tuổi trở lên.
- B. Nam từ 22 tuổi trở lên; nữ từ 20 tuổi trở lên.
- C. Nam khoảng 20 tuổi; nữ 18 tuổi trở lên.

D. Nam, nữ đều từ đủ 20 tuổi trở lên.

Câu 27: Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, việc kết hôn giữa nam và nữ phải

- A. đủ điều kiện và được pháp luật công nhận.
- B. được tự do theo nhu cầu của nam và nữ.
- C. có nhu cầu xây dựng đời sống gia đình.
- D. được sự đồng ý của đôi bên gia đình.

Câu 28: Một trong những biểu hiện về quyền của công dân được quy định trong Luật hôn nhân và gia đình là nam, nữ có quyền

- A. tự do kết hôn và li hôn.
- B. tự quyết định tuổi kết hôn.
- C. kết hôn với nhiều người.
- D. kết hôn với người cùng giới.

Câu 29: Việc kết hôn **không đạt** được mục đích thì hai vợ chồng có quyền yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền

- A. giải quyết li hôn.
- B. thay đổi quan hệ.
- C. phân chia tài sản.
- D. chỉ định li hôn.

Câu 30: Theo quy định của pháp luật, một trong những chế độ hôn nhân ở nước ta hiện nay là

- A. tự nguyện, tiến bộ.
- B. vì mục đích con cái.
- C. vì gia đình, dòng họ.
- D. vì quyền lợi bản thân.

Câu 31: Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 **không** cấm trường hợp nào sau đây?

- A. Người đã li hôn hoặc một người đã chết.
- B. Người có họ hàng trong phạm vi ba đời.
- C. Kết hôn cùng lúc với nhiều người.
- D. Chưa đủ tuổi theo quy định của pháp luật.

Câu 32: Việc học sinh dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật, mồ côi được nhà nước miễn, giảm học phí là nhằm đảm bảo quyền

- A. bình đẳng về cơ hội học tập.
- B. bình đẳng về điều kiện học tập.

C. học tập không bị hạn chế.

D. được phát triển năng khiếu.

Câu 33: Công dân thực hiện các quy định của pháp luật về học tập, các nội quy của các cơ sở giáo dục và đào tạo là biểu hiện của

A. nghĩa vụ học tập của công dân.

B. nghĩa vụ học mọi lúc mọi nơi.

C. nghĩa vụ học theo sở thích.

D. nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc.

Câu 34: Theo quy định của pháp luật, công dân được giáo dục, học tập để phát triển toàn diện và phát huy tốt tiềm năng của bản thân là nội dung quyền nào dưới đây?

A. Quyền học tập.

B. Quyền được phát triển.

C. Quyền bình đẳng.

D. Quyền dân chủ.

Câu 35: Theo quy định của pháp luật, công dân có thể học ở hệ chính quy hoặc giáo dục thường xuyên, học ban ngày hoặc buổi tối là thể hiện nội dung quyền nào sau đây của quyền học tập?

A. Học thường xuyên, học suốt đời.

B. Học bất cứ ngành nghề nào.

C. Học không hạn chế.

D. Bình đẳng về cơ hội học tập.

Câu 36: Quyền và nghĩa vụ học tập của công dân được quy định trong văn bản pháp luật nào dưới đây?

A. Hiến pháp và Luật Giáo dục.

B. Hiến pháp.

C. Luật Giáo dục.

D. Luật ban hành văn bản.

Câu 37: Công dân có thể lựa chọn học các ngành nghề như sư phạm, kỹ thuật, y khoa, quân sự, ... để thực hiện nguyện vọng và mong muốn của bản thân là nội dung quyền nào dưới đây?

A. Quyền học bất cứ ngành nghề nào.

B. Quyền học thường xuyên, học suốt đời.

C. Quyền học không hạn chế.

D. Quyền bình đẳng về cơ hội học tập.

Câu 38: Việc công dân vào học ở các trường trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đại học thông qua kì thi tuyển và xét tuyển là nội dung quyền nào dưới đây?

A. Học không hạn chế.

B. Học thường xuyên.

C. Học mọi lúc mọi nơi.

D. Học suốt đời.

Câu 39: Pháp luật quy định quyền và nghĩa vụ học tập của công dân là nhằm

A. giúp công dân phát triển toàn diện.

B. bồi dưỡng phát triển tài năng của công dân.

C. tuyển chọn nhân tài cho đất nước.

D. tạo môi trường phát triển của công dân.

Câu 40: Sau khi tốt nghiệp Trung học phổ thông, bạn P đăng kí hồ sơ xét tuyển vào trường Đại học C.

Bạn P đã thực hiện quyền nào của công dân ?

A. Học không hạn chế.

B. Học thường xuyên, học suốt đời.

C. Học ở nhiều hình thức khác nhau.

D. Học khi có điều kiện.

Câu 41: Vì hoàn cảnh gia đình, chị B đã quyết định cho con mình là Q đang học lớp 9 nghỉ học để giúp việc gia đình. Việc làm của chị B đã vi phạm

A. quyền học tập của công dân.

B. quyền được phát triển của công dân.

C. quyền tự do của công dân.

D. quyền bình đẳng của công dân.

Câu 42: Hành vi nào dưới đây vi phạm quyền học tập của công dân?

A. Do N là con gái nên cha mẹ chỉ cho N học hết lớp 9.

B. Anh H đến trường học bỏ túi văn hóa vào buổi tối.

C. Chị L học thêm ngoại ngữ để nâng cao trình độ chuyên môn.

D. Bạn P học Đại học sau khi tốt nghiệp THPT.

Câu 43: Mọi công dân đều bình đẳng trong khám bệnh, được chữa bệnh khi ốm đau và cấp cứu là nội dung quyền nào sau đây?

- A. Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.
C. Thay đổi loại hình bảo hiểm.

- B. Lựa chọn dịch vụ công cộng.
D. Thực hiện phụ cấp độc hại.

Câu 44: Nhà nước có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người có hoàn cảnh khó khăn là tạo điều kiện cho công dân thực hiện quyền nào sau đây?

- A. Đảm bảo an sinh xã hội.
C. Thúc đẩy hoạt động ngoại giao.

- B. Xóa bỏ chênh lệch giàu nghèo.
D. Nâng cao tuổi thọ trung bình.

Câu 45: Công dân thực hiện quyền được đảm bảo an sinh xã hội thông qua việc làm nào sau đây?

- A. Tham gia bảo hiểm y tế.
C. Lựa chọn bảo hiểm nhân thọ.

- B. Đăng kí du học tự túc.
D. Thay đổi mạng viễn thông.

Câu 46: Pháp luật quy định về quyền của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe thể hiện ở việc công dân được

- A. vui chơi, giải trí lành mạnh, thể dục thể thao phù hợp với lứa tuổi.
B. cấp phát thuốc chữa bệnh miễn phí cho tất cả mọi người.
C. tự do khám chữa bệnh ở các cơ sở y tế nếu thích.
D. hưởng thụ miễn phí các dịch vụ khám chữa bệnh.

Câu 47: Nhận định nào dưới đây là nghĩa vụ của công dân về đảm bảo an sinh xã hội theo quy định của pháp luật? A. Tôn trọng quyền được đảm bảo an sinh xã hội của mọi người.

- B. Được tố cáo các hành vi vi phạm pháp luật về an sinh xã hội.
C. Tích cực tìm hiểu các thông tin về chính sách an sinh xã hội.

D. Được tham gia và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

Câu 48: Bảo vệ, chăm sóc và đảm bảo an sinh xã hội là một trong những quyền của công dân được quy định trong văn bản pháp luật nào dưới đây?

- A. Hiến pháp và các văn bản quy phạm pháp luật.
C. Hiệp pháp và Luật khám chữa bệnh.

- B. Luật bảo hiểm xã hội.
D. Hiến pháp.

Câu 49: Công dân không bị phân biệt đối xử về cơ hội trong việc được chăm sóc sức khỏe với các dịch vụ y tế, được tiếp cận thông tin y tế là nội dung quyền nào sau đây?

- A. Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe.
C. Dịch vụ vệ sinh môi trường.

- B. Chính sách bảo hiểm xã hội.
D. Thực hiện phụ cấp thất nghiệp.

Câu 8: Công dân được tạo điều kiện để tăng cường cơ hội có việc làm và tiếp cận các dịch vụ giáo dục, y tế, nhà ở ... là nội dung quyền nào sau đây?

- A. Đảm bảo an sinh xã hội.
C. Đảm bảo về thể chất, tinh thần.

- B. Bảo đảm chăm sóc sức khỏe trẻ em.
D. Thực hiện phụ cấp thất nghiệp.

Câu 50: Hành vi nào dưới đây vi phạm pháp luật về quyền và nghĩa vụ của công dân về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe?

A. Chị E là nhân viên y tế đã có hành vi áp giá cao hơn trong thanh toán chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế.

B. Bà H tích cực cùng cán bộ xã tuyên truyền về sức khỏe sinh sản cho bà con nhân dân.

C. Em Y mồ côi cha mẹ từ nhỏ nên đã đăng kí gói vay hỗ trợ sinh viên học tập để có tiền đóng học.

D. Anh C báo cáo cho cán bộ y tế biết việc mình mắc bệnh truyền nhiễm.

Câu 51: Theo quy định của pháp luật, đối với hoạt động kinh doanh nếu đủ điều kiện mọi công dân đều có quyền

- A. lựa chọn việc làm.
C. tìm kiếm việc làm.

- B. quyền làm việc.
D. lựa chọn, ngành nghề.

Câu 52: Phát biểu nào dưới đây là sai về nghĩa vụ kinh doanh của công dân?

- A. Công dân được khiếu nại nếu phát hiện hành vi vi phạm về kinh doanh.
- B. Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng là trách nhiệm của chủ thể kinh doanh
- C. Khi kinh doanh, công dân có nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ theo quy định.
- D. Công dân có trách nhiệm tôn trọng quyền tự do kinh doanh của người khác.

Câu 53: Quyền sở hữu tài sản bao gồm các quyền nào dưới đây?

- A. Quyết định, sử dụng, mua bán tài sản.
- B. Chiếm hữu, phân chia tài sản.
- C. Sử dụng, cho mượn tài sản.
- D. Chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản.

Câu 54: Quyền khai thác công dụng, hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản là quyền

- A. chiếm hữu tài sản.
- B. định đoạt tài sản.
- C. mua bán tài sản.
- D. sử dụng tài sản.

Câu 55: Nội dung nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ của công dân trong việc tôn trọng tài sản của người khác?

- A. Trì hoãn việc bồi thường do vi phạm.
- B. Trả tài sản đúng cam kết thỏa thuận.
- C. Chiếm đoạt quyền sở hữu trái phép.
- D. Tự ý thay đổi công năng sử dụng.

Câu 56: Tự do trong hôn nhân thể hiện qua việc cá nhân được tự do thực hiện quyền nào dưới đây? A.

- A. Lấy bất cứ ai mà mình thích.
- B. Kết hôn theo luật định.
- C. Kết hôn ở độ tuổi mình thích.
- D. Lấy chồng theo ý muốn.

Câu 57: Một trong những nội dung của quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình là vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

- A. tổ chức đối thoại truyền thống.
- B. kế hoạch điều tra nhân lực.
- C. kế hoạch hóa gia đình.
- D. quản lý bằng hệ thống phần mềm.

Câu 58: Một trong những yêu cầu về mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình là đối với các con, cha mẹ **không** được

- A. tư vấn hướng nghiệp.
- B. chăm sóc, đỡ đầu.
- C. ngược đãi, xúc phạm.
- D. giám hộ, bảo lãnh.

Câu 59: Theo quy định của pháp luật, trong hôn nhân và gia đình, đối với các con cha mẹ có trách nhiệm

- A. tôn trọng ý kiến của con
- B. hỗ trợ nhập cảnh trái phép.
- C. ép làm công việc nặng nhọc.
- D. từ chối việc chăm sóc.

Câu 60: Một trong những nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được A. học chương trình chuyên biệt.

- B. miễn học phí toàn phần.
- C. ưu tiên lựa chọn trường học.
- D. bình đẳng về cơ hội học tập.

Câu 61: Theo quy định của pháp luật, một trong những nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được

- A. học không hạn chế
- B. hưởng mọi ưu đãi
- C. miễn, giảm học phí
- D. cộng điểm khu vực

Câu 62: Nội dung nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ của công dân trong học tập?

- A. Đăng ký học nâng cao trình độ.
- B. Học tập nâng cao trình độ chuyên môn.
- C. Thực hiện tốt chương trình giáo dục.
- D. Thực hiện đăng ký học trái

tuyên. **Câu 63:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện quyền và nghĩa vụ học tập của công dân? A. Công dân được cung cấp đầy đủ các thông tin trong quá trình học tập.

- B. Công dân tố cáo các hành vi vi phạm quyền học tập của công dân.
- C. Công dân được tôn trọng về nhân phẩm, danh dự trong học tập.
- D. Công dân được hưởng đời sống vật chất và tinh thần đầy đủ.

Câu 64: Trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, công dân có quyền được

- A. xúc phạm cán bộ y tế.
- B. miễn phí mọi dịch vụ.

C. làm những gì mình thích.

D. đối xử bình đẳng.

Câu 65: Theo quy định của pháp luật, trong công tác bảo đảm an sinh xã hội mọi công dân đều được

A. bình đẳng.

B. thụ hưởng.

C. hỗ trợ.

D. trợ cấp.

Câu 66: Theo quy định của pháp luật, cùng với việc thực hiện quyền của công dân trong đảm bảo an sinh xã hội, công dân có nghĩa vụ

A. khiếu nại hành vi vi phạm.

B. từ chối nhận trợ giúp xã hội.

C. xuyên tạc đường lối chính sách.

D. tôn trọng quyền của người khác.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 67,68

Do bất đồng quan điểm, cùng với việc nhiều lần bị chồng là anh T hành hung, chị X đã viết đơn ly hôn. Biết chuyện, anh trai của chị X là anh H đã chặn đường đập phá làm hỏng xe máy do anh T điều khiển và hành hung anh T để cảnh cáo còn chị gái của chị X là chị M vì thương em nên đã bôi nhọ danh dự anh T trên mạng xã hội khiến uy tín của anh ở cơ quan bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Thấy vậy, bà Q là mẹ đẻ anh T liền đuổi chị X ra khỏi nhà. Chứng kiến con gái mình bị đối xử bất công, bà G mẹ chị X gọi điện cho bà Q để lăng mạ, xúc phạm khiến hai gia đình mâu thuẫn.

Câu 67: Để thực hiện quyền ly hôn của mình chị X cần thực hiện các bước nào dưới đây?

A. Phân chia tài sản, viết đơn ly hôn gửi chính quyền xã.

B. Tự mình viết đơn ly hôn gửi chính quyền xã.

C. Viết đơn ly hôn gửi tòa án cấp huyện xem xét.

D. Yêu cầu anh T viết đơn ly hôn và gửi ra tòa án.

Câu 68: Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nhận định nào dưới đây về các nhân vật trong thông tin trên là đúng?

A. Anh T **không** vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình.

B. Anh H **không** vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình.

C. Chị M **không** vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình.

D. Bà Q có hành vi vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 69,70

Trên cùng địa bàn một huyện có anh D là chủ doanh nghiệp kinh doanh thức ăn chăn nuôi; anh K là giám đốc một công ty tư nhân có chị P là kế toán, còn anh V là nhân viên của anh K. Một lần anh V mượn xe ô tô của anh K và làm vỡ gương. Vốn có mâu thuẫn với anh V, anh K ép anh V phải bồi thường với số tiền lớn. Anh P cho rằng anh K không thiện chí nên hai anh xảy ra xô xát. Sau đó anh K ký quyết định sa thải anh V đồng thời chỉ đạo chị P không hoàn thành thủ tục nghỉ việc khiến anh V không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp. Sau khi nghỉ việc, anh V được anh D mời vào làm việc với hợp đồng lao động thời vụ dưới một tháng và được anh V đồng ý. Một lần chứng kiến anh D bị cơ quan chức năng xử phạt về hành vi cung cấp sản phẩm không đảm bảo đúng tiêu chuẩn đã công bố, anh V đã kể lại sự việc cho vợ mình là chị T. Chị T đã viết bài cải chính với nhiều nội dung không đúng sự thật, vô tình vì bài viết này khiến uy tín của anh D bị giảm sút nghiêm trọng, nhiều khách hàng kéo đến yêu cầu anh D bồi thường khiến anh D bị thiệt hại nặng. Yêu cầu chị T bồi thường cho mình không được, anh D đã chấm dứt hợp đồng với anh V và không thanh toán tiền lương cho anh D.

Câu 69: Trong thông tin trên chủ thể nào dưới đây đã **không** thực hiện đúng nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác?

A. Anh D và anh K. B. Anh V và anh K. C. Anh V.

D. Chị T.

Câu 70: Chủ thể nào dưới đây có hành vi vi phạm nghĩa vụ về kinh doanh?

A. Anh D và anh K. **B.** Anh K và chị P. **C.** Anh V và anh D. **d.** Chị P và chị T.

Câu 71: Trong những ngành nghề mà pháp luật không cấm, khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật thì mọi doanh nghiệp đều có quyền

A. xin ý kiến chính quyền để kinh doanh. **B.** tự chủ đăng kí kinh doanh.

C. kinh doanh không cần đăng kí.

D. kinh doanh trước rồi đăng kí sau.

Câu 72: Phát biểu nào dưới đây là sai về nghĩa vụ của công dân khi nộp thuế?

A. kê khai chính xác, trung thực là trách nhiệm của người nộp thuế.

B. Nếu có đủ điều kiện công dân sẽ được hoàn lại tiền thuế đã nộp.

C. Mọi công dân đều có nghĩa vụ kê khai thông tin về nộp thuế.

D. Nếu bị xâm phạm quyền lợi hợp pháp công dân có quyền khiếu nại về thuế.

Câu 73: Quyền của chủ thể tự mình nắm giữ, quản lý, chi phối trực tiếp tài sản là quyền

A. chiếm hữu tài sản.

B. sử dụng tài sản. **C.** cho mượn tài sản.

D. định đoạt tài sản.

Câu 74: Khi chủ sở hữu thực hiện quyền quyết định đối với tài sản như mua, bán, tặng, cho được gọi là đã thực hiện quyền nào dưới đây?

A. Quyền khai thác.

B. Quyền định đoạt. **C.** Quyền chiếm hữu.

D. Quyền tranh chấp.

Câu 75: Khi thuê tài sản của người khác để sử dụng, công dân phải có trách nhiệm nào dưới đây? **A.**

Chuyển quyền sở hữu tài sản. **B.** Giữ gìn và trả lại đúng thời gian.

C. Cố ý tiêu hủy tài sản đã thuê.

D. Điều chỉnh lại công năng sử dụng.

Câu 76: Tự do trong hôn nhân thể hiện qua việc cá nhân được tự do thực hiện quyền nào dưới đây? **A.**

Lấy bất cứ ai mà mình thích. **B.** Ly hôn theo luật định.

C. Kết hôn ở độ tuổi mình thích.

D. Lấy vợ theo ý muốn gia đình.

Câu 77: Một trong những nội dung của quyền bình đẳng trong hôn nhân và gia đình là vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc

A. định đoạt tài sản công cộng

B. lựa chọn việc làm phù hợp.

C. mở rộng quy mô sản xuất.

D. đề xuất mức lương khởi điểm.

Câu 78: Một trong những yêu cầu về mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình là đối với cha mẹ, con cái **không** được

A. kính trọng.

B. nuôi dưỡng.

C. xúc phạm.

D. phụng dưỡng.

Câu 79: Một trong những nội dung về mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình được thể hiện ở việc cha, mẹ cùng

A. áp đặt quan điểm cá nhân

B. che dấu hành vi bạo lực. .

C. tôn trọng ý kiến của con.

D. bác bỏ quyền tự do tôn giáo.

Câu 80: Theo quy định của pháp luật, một trong những nội dung của quyền học tập là mọi công dân đều được

A. bảo mật chương trình học.

B. ưu tiên trong tuyển sinh.

C. thử nghiệm giáo dục quốc tế.

D. học bất cứ ngành nghề nào.

Câu 81: Một trong những nội dung cơ bản của quyền học tập là mọi công dân đều được

A. hưởng tất cả chế độ ưu đãi.

B. thay đổi đồng bộ chương trình giáo dục.

C. điều chỉnh phương thức đào tạo.

D. lựa chọn loại hình trường lớp.

Câu 82: Nội dung nào dưới đây thể hiện nghĩa vụ của công dân trong học tập?

A. Tôn trọng nội quy học tập.

B. Chủ động bổ sung kiến thức.

C. Học vượt lớp, vượt cấp.

D. Học tập nâng cao trình độ.

Câu 83: Phát biểu nào dưới đây là **sai** về quyền học tập của công dân?

- A. Mọi công dân đều có quyền học tập thường xuyên, suốt đời.
- B. Mọi công dân đều có quyền học tập bất kì ngành nghề nào.
- C. Mọi công dân đều có quyền học tập không hạn chế.
- D. Mọi công dân đều có quyền học tập từ thấp đến cao.

Câu 84: Pháp luật quy định về quyền của công dân trong bảo vệ, chăm sóc sức khỏe thể hiện ở việc công dân được

- A. cung cấp hoàn toàn miễn phí tất cả các loại thuốc.
- B. vui chơi, nghỉ ngơi, giải trí, rèn luyện thân thể.
- C. tự do di chuyển giữa các cơ sở y tế công lập nếu thích.
- D. hưởng thụ miễn phí các dịch vụ khám chữa bệnh.

Câu 85: Nội dung nào dưới đây thể hiện quyền được đảm bảo an sinh xã hội của công dân?

- A. Bảo đảm môi trường sống trong lành.
- B. Khám, chữa bệnh theo yêu cầu.
- C. Bí mật thông tin lý lịch cá nhân.
- D. Hưởng chế độ bảo hiểm xã hội.

Câu 86: Một trong những nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe là phải

- A. thực hiện việc đăng ký hiến tạng.
- B. chấp hành mọi tai nạn, rủi ro.
- C. chấp hành mọi yêu cầu của bác sĩ.
- D. chấp hành quy định phòng dịch.

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 87,88

Do bất đồng quan điểm, cùng với việc nhiều lần bị chồng là anh T hành hung, chị X đã viết đơn ly hôn. Biết chuyện, anh trai của chị X là anh H đã chặn đường đập phá làm hỏng xe máy do anh T điều khiển và hành hung anh T để cảnh cáo còn chị gái của chị X là chị M vì thương em nên đã bôi nhọ danh dự anh T trên mạng xã hội khiến uy tín của anh ở cơ quan bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Thấy vậy, bà Q là mẹ đẻ anh T liền đuổi chị X ra khỏi nhà. Chứng kiến con gái mình bị đối xử bất công, bà G mẹ chị X gọi điện cho bà Q để lăng mạ, xúc phạm khiến hai gia đình mâu thuẫn.

Câu 87: Để thực hiện quyền ly hôn của mình chị X cần thực hiện các bước nào dưới đây?

- A. Viết đơn gửi Tòa án, chủ động tự phân chia tài sản liên quan.
- B. Viết đơn ly hôn gửi chính quyền xã và hội phụ nữ xã để trợ giúp.
- C. Viết đơn ly hôn gửi Tòa án nhân dân cấp huyện xem xét giải quyết.
- D. Chủ động ly hôn với anh T mà không cần xác nhận của Tòa án.

Câu 88: Theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, nhận định nào dưới đây về các nhân vật trong thông tin trên là sai?

- A. Anh T **không** vi phạm quyền và nghĩa vụ trong hôn nhân.
- B. Anh H vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình.
- C. Chị M vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình.
- D. Bà Q vi phạm quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình

Đọc thông tin và trả lời các câu hỏi 89,90

Trên cùng địa bàn một huyện có anh D là chủ doanh nghiệp kinh doanh thức ăn chăn nuôi; anh K là giám đốc một công ty tư nhân có chị P là kế toán, còn anh V là nhân viên của anh K. Một lần anh V mượn xe ô tô của anh K và làm vỡ gương. Vốn có mâu thuẫn với anh V, anh K ép anh V phải bồi thường với số tiền lớn. Anh P cho rằng anh K không thiện chí nên hai anh xảy ra xô xát. Sau đó anh K ký quyết định sa thải anh V đồng thời chỉ đạo chị P không hoàn thành thủ tục nghỉ việc khiến anh V không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp. Sau khi nghỉ việc, anh V được anh D mời vào làm việc với hợp đồng lao động thời vụ dưới một tháng và được anh V đồng ý. Một

lần chứng kiến anh D bị cơ quan chức năng xử phạt về hành vi cung cấp sản phẩm không đảm bảo đúng tiêu chuẩn đã công bố, anh V đã kể lại sự việc cho vợ mình là chị T. Chị T đã viết bài cải chính với nhiều nội dung không đúng sự thật, vô tình vì bài viết này khiến uy tín của anh D bị giảm sút nghiêm trọng, nhiều khách hàng kéo đến yêu cầu anh D bồi thường khiến anh D bị thiệt hại nặng. Yêu cầu chị T bồi thường cho mình không được, anh D đã chấm dứt hợp đồng với anh V và không thanh toán tiền lương cho anh D.

Câu 89: Anh V vi phạm nghĩa vụ nào dưới đây của công dân?

- A. Tôn trọng tài sản của người khác. B. Đóng thuế thu nhập các nhân.
C. Bảo mật thông tin doanh nghiệp. D. Hoàn thiện hồ sơ thất nghiệp.

Câu 90: Trong thông tin trên, chủ thể kinh doanh **không** vi phạm nghĩa vụ trong kinh doanh khi thực hiện hành vi nào dưới đây?

- A. Không giải quyết chế độ khi sa thải.
B. Sản xuất hàng hóa không đúng cam kết.
C. Ký kết hợp đồng lao động dưới 1 tháng.
D. Tự ý sa thải và không thanh toán tiền công.

Câu trắc nghiệm đúng sai.

Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý **a), b), c), d)** ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai.

Câu 1: Đọc đoạn thông tin sau:

Anh M ký hợp đồng thuê lại nhà xưởng của bà H với thời hạn là 2 năm. Trong thời gian này do kinh doanh thua lỗ anh M không trả tiền thuê nhà đúng hạn nên bà H rất bức xúc. Nhiều lần liên lạc với anh M không được, bà H cùng con trai đến đập phá nhà xưởng đuổi công nhân ra ngoài để gây sức ép yêu cầu anh M phải thanh toán tiền cho mình. Để có tiền trả nợ, anh M đã cầm cố căn nhà của hai vợ chồng mặc dù chị T vợ anh kiên quyết phản đối và bỏ về nhà mẹ đẻ. Thấy con trai kinh doanh thua lỗ, lại từng có định kiến với chị T, nhân cơ hội này bà K gọi điện xúc phạm chị và gây sức ép yêu cầu con trai ly hôn nhưng bị anh M phản đối. Vì nhiều tháng liền không được anh M thanh toán tiền công, một số nhân viên đã làm đơn tố cáo với cơ quan chức năng về việc anh M kinh doanh hàng giả khiến cơ sở kinh doanh của anh M bị đình chỉ hoạt động và anh M bị xử phạt theo quy định.

a) Anh M **không** vi phạm nghĩa vụ tôn trọng tài sản của người khác. *Sai, anh M thuê tài sản của người khác để kinh doanh nhưng thanh toán tiền thuê nhà không đúng hợp đồng là không tôn trọng tài sản của người khác.*

b) Bà K vừa vi phạm quyền bình đẳng trong hôn nhân vừa vi phạm quyền bình đẳng trong gia đình. *Đúng, hành vi cưỡng ép người khác ly hôn là vi phạm quyền bình đẳng trong hôn nhân, bà K gọi điện xúc phạm chị T là vi phạm quyền bình đẳng trong gia đình giữa các thành viên*

c) Anh M kinh doanh hàng giả là vi phạm nghĩa vụ kinh doanh của chủ thể kinh doanh. *Đúng, việc kinh doanh hàng giả là hành vi vi phạm nghĩa vụ của chủ thể kinh doanh*

d) Anh M phải chịu trách nhiệm hành chính và hình sự về hành vi vi phạm của mình. *Sai anh M chịu trách nhiệm dân sự về hành vi không trả tiền thuê nhà theo đúng hợp đồng, bị xử phạt hành chính về hành vi kinh doanh hàng giả*

Câu 2: Đọc đoạn thông tin sau:

Gia đình anh G thuộc hộ nghèo sinh sống trên địa bàn xã X, đời sống gặp rất nhiều khó khăn do vợ anh bị mắc bệnh hiểm nghèo, thu nhập của gia đình hoàn toàn phụ thuộc vào lao động làm thuê của anh G. Năm bắt được hoàn cảnh đó, chính quyền xã

đã tích cực vận động các tổ chức đoàn thể chung tay giúp đỡ. Các con của anh G ngoài việc được miễn toàn bộ tiền học phí theo quy định, hàng tháng còn nhận được một số tiền trợ cấp. Chị M vợ anh được cấp phát thẻ bảo hiểm y tế để khám chữa bệnh. Ngoài ra ngân hàng chính sách xã hội đã tạo điều kiện cho anh G vay vốn ưu đãi để phát triển kinh tế gia đình. Với sự giúp đỡ này, bản thân anh G cùng các thành viên trong gia đình đã không ngừng cố gắng nỗ lực vượt qua khó khăn nhờ đó cuộc sống của gia đình đã từng bước ổn định. Đặc biệt cháu H con gái lớn của vợ chồng anh sau khi tốt nghiệp THPT được xét tuyển vào học đại học theo hệ cử tuyển để tiếp tục còn đường học tập

a) Mọi công dân nếu đủ điều kiện đều được miễn giảm học phí là thể hiện quyền bình đẳng của công dân về học tập. *Sai, chỉ những công dân nếu có đủ điều kiện mới được miễn giảm học phí mới thể hiện quyền bình đẳng*

b) Mọi công dân nếu có đủ điều kiện theo quy định đều được cấp thẻ bảo hiểm y tế là thể hiện quyền bình đẳng của công dân trong bảo vệ và chăm sóc sức khỏe. *Đúng, điều này tạo sự công bằng giữa các công dân, giúp các công dân có hoàn cảnh khó khăn có điều kiện được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe*

c) Việc cấp phát miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo là thể hiện quyền bình đẳng của công dân trong bảo đảm an sinh xã hội. *Đúng vì cấp phát miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo là nội dung của chính sách trợ giúp xã hội trong hệ thống an sinh xã hội.*

d) Cháu H sau khi tốt nghiệp THPT được tiếp tục theo học con đường Đại học là thể hiện quyền học tập thường xuyên, học suốt đời. *Sai, ở đây là hình thức học tập không hạn chế, công dân được theo học bất kỳ cấp học nào nếu có đủ điều kiện*

Câu 3: Đọc đoạn thông tin sau:

Anh M ký hợp đồng thuê lại nhà xưởng của bà H với thời hạn là 2 năm. Trong thời gian này do kinh doanh thua lỗ anh M không trả tiền thuê nhà đúng hạn nên bà H rất bức xúc. Nhiều lần liên lạc với anh M không được, bà H cùng con trai đến đập phá nhà xưởng đuổi công nhân ra ngoài để gây sức ép yêu cầu anh M phải thanh toán tiền cho mình. Để có tiền trả nợ, anh M đã cầm cố căn nhà của hai vợ chồng mặc dù chị T vợ anh kiên quyết phản đối và bỏ về nhà mẹ đẻ. Thấy con trai kinh doanh thua lỗ, lại từng có định kiến với chị T, nhân cơ hội này bà K gọi điện xúc phạm chị và gây sức ép yêu cầu con trai ly hôn nhưng bị anh M phản đối. Vì nhiều tháng liền không được anh M thanh toán tiền công, một số nhân viên đã làm đơn tố cáo với cơ quan chức năng về việc anh M kinh doanh hàng giả khiến cơ sở kinh doanh của anh M bị đình chỉ hoạt động và anh M bị xử phạt theo quy định.

a) Bà H và anh M đều chưa thực hiện tốt nghĩa vụ tôn trọng tài sản của công dân. *Đúng, anh M thuê tài sản của người khác để kinh doanh nhưng thanh toán tiền thuê nhà không đúng hợp đồng, bà H đập phá đồ đạc của anh M là không tôn trọng tài sản của người khác*

b) Anh M vừa vi phạm quyền bình đẳng trong hôn nhân vừa vi phạm quyền bình đẳng trong gia đình. *Sai, anh M chỉ vi phạm quyền bình đẳng trong gia đình vì đã tự ý lấy tài sản chung của hai vợ chồng để cầm cố. Không vi phạm trong hôn nhân vì anh không vi phạm nội dung nào liên quan đến chế độ hôn nhân một vợ một chồng...*

c) Anh M không thanh toán tiền lương kịp thời cho công nhân là vi phạm nghĩa vụ của chủ thể kinh doanh. *Đúng, việc đảm bảo quyền lợi hợp pháp của người lao động là trách nhiệm của chủ thể kinh doanh, việc không thanh toán tiền công kịp thời là vi phạm nghĩa vụ kinh doanh.*

d) Anh M phải chịu trách nhiệm hành chính và dân sự về hành vi vi phạm của

minh. *Đúng anh M chịu trách nhiệm dân sự về hành vi không trả tiền thuê nhà theo đúng hợp đồng, bị xử phạt hành chính về hành vi kinh doanh hàng giả*

Câu 4: Đọc đoạn thông tin sau:

Gia đình anh G thuộc hộ nghèo sinh sống trên địa bàn xã X, đời sống gặp rất nhiều khó khăn do vợ anh bị mắc bệnh hiểm nghèo, thu nhập của gia đình hoàn toàn phụ thuộc vào lao động làm thuê của anh G. Năm bắt được hoàn cảnh đó, chính quyền xã đã tích cực vận động các tổ chức đoàn thể chung tay giúp đỡ. Các con của anh G ngoài việc được miễn toàn bộ tiền học phí theo quy định, hàng tháng còn nhận được một số tiền trợ cấp. Chị M vợ anh được cấp phát thẻ bảo hiểm y tế để khám chữa bệnh. Ngoài ra ngân hàng chính sách xã hội đã tạo điều kiện cho anh G vay vốn ưu đãi để phát triển kinh tế gia đình. Với sự giúp đỡ này, bản thân anh G cùng các thành viên trong gia đình đã không ngừng cố gắng nỗ lực vượt qua khó khăn nhờ đó cuộc sống của gia đình đã từng bước ổn định. Đặc biệt cháu H con gái lớn của vợ chồng anh sau khi tốt nghiệp THPT được xét tuyển vào học đại học theo hệ cử tuyển để tiếp tục còn đường học tập

- a) Chính sách miễn học phí cho đối tượng hộ nghèo, cận nghèo là góp phần thực hiện quyền của công dân về học tập. *Đúng, qua sự hỗ trợ này sẽ góp phần giúp các cá nhân có điều kiện học tập.*
- b) Tất cả những người bị mắc bệnh hiểm nghèo đều được cấp thẻ bảo hiểm y tế là thể hiện quyền của công dân về chăm sóc sức khỏe. *Sai, chỉ những người đủ điều kiện mới được cấp thẻ bảo hiểm y tế, việc cấp thẻ này là thể hiện quyền của công dân về chăm sóc sức khỏe.*
- c) Việc hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc hộ nghèo là thể hiện quyền bình đẳng của công dân trong bảo đảm an sinh xã hội. *Đúng vì hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh thuộc hộ nghèo là nội dung của chính sách trợ giúp xã hội trong hệ thống an sinh xã hội.*
- d) Cháu H sau khi tốt nghiệp THPT được tiếp tục theo học con đường Đại học là thể hiện quyền học tập không hạn chế của công dân. *Đúng, công dân được theo học bất kỳ cấp học nào nếu có đủ điều kiện.*